TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VT** **TỈNH VP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:18/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2024
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VP

- ***Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Triển;
2. Ông Phùng Văn Thông;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị An – Thư ký Toà án nhân dân huyện VT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh VP xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 313/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1996, (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn X, xã CH, huyện VT, tỉnh VP;

- *Bị đơn*: Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1995, (vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn X, xã CH, huyện VT, tỉnh VP;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 9 năm 2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh H trình bày: Anh và chị Hoàng Thị B tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã CH ngày 13/4/2016. Sau khi kết hôn chị B về sinh sống cùng gia đình anh tại thôn X, xã CH, huyện VT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do chị B thường xuyên chơi tài xỉu và cờ bạc dẫn đến nợ nần nhiều, mặc dù anh đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị B không thay đổi và chị B đã làm đơn xin ly hôn anh, anh và chị B đều thuận tình ly hôn nhưng do vợ chồng chưa thống nhất được việc nuôi dưỡng con chung và anh H đi chấp hành án nên chị B đã rút đơn ly hôn. Tháng 02/2022 chị B đã bỏ nhà đi đâu làm gì anh không biết và vợ chồng sống

ly thân từ đó cho đến nay không quan tâm gì đến nhau, thỉnh thoảng chị B về thăm con rồi đi luôn, sau đó chị B gọi điện hỏi thăm các con, anh hỏi địa chỉ nơi chị đang sinh sống nhưng chị B không cho biết. Khi anh liên lạc về cho gia đình chị B thì được biết chị B cũng không về nhà bố mẹ đẻ ở và bố mẹ chị B cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị B. Nay anh xác định anh không còn tình cảm với chị B, mẫu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Hoàng Thị B.

Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung là Nguyễn Thị H H, sinh ngày 13/03/2018 và Nguyễn Thị Nhã P, sinh ngày 15/02/2020. Hiện nay cháu H, cháu P đang ở cùng anh. Ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hoàng Thị B vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Toà án đã tiến hành tống đạt và niêm yết văn bản tố tụng của Toà án cho chị B theo quy định; anh H trực tiếp gọi điện thông báo, nhắn tin và gửi các văn bản của Toà án qua zalo cho chị B, chị B đều nhận được và biết việc anh xin ly hôn chị và việc Toà án báo gọi chị B về Toà án để giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị B nhưng chị B cố tình trốn tránh không về Toà án giải quyết vụ án.

Qua xác minh tại UBND xã CH cung cấp: anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B đều có hộ khẩu thường trú tại UBND xã CH. Anh H và chị B đăng ký kết hôn tại UBND xã CH ngày 13/4/2016. Chị B đi làm ăn ở đâu địa chỉ cụ thể như thế nào địa phương không rõ vì không báo cáo địa phương nhưng thỉnh thoảng có về thăm các con. Anh H và chị B có 02 con chung là Nguyễn Thị H H, sinh ngày 13/03/2018 và Nguyễn Thị Nhã P, sinh ngày 15/02/2020. Hiện nay hai con đang ở cùng anh H do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Quan điểm của địa phương đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT trình phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện VT không có yêu cầu hay kiến nghị gì và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đức H. Xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Hoàng Thị B.

Xử về con chung: giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị H H, sinh ngày 13/03/2018 và cháu Nguyễn Thị Nhã P, sinh ngày 15/02/2020 đến khi thành niên. Hiện nay hai con đang ở cùng anh H. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đức H khởi kiện xin ly hôn chị Hoàng Thị B, anh H có quyền khởi kiện yêu cầu ly hôn chị B. Bị đơn chị B có nơi cư trú tại thôn X, xã CH, huyện VT, tỉnh VP nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh VP theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Hoàng Thị B vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức H và chị Hoàng Thị B là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã CH, huyện VT. Theo anh H trình bày quá trình vợ chồng anh chị chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do chị B chơi bời cờ bạc tài xỉu nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù anh đã nhiều lần khuyên bảo chị B thay đổi nhưng không được, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc hôn nhân giữa anh và chị B không có hạnh phúc. Anh H và chị B đã sống ly thân từ tháng 02/2022 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm thăm hỏi gì nhau. Năm 2022 chị B đã nộp đơn xin ly hôn anh H, anh chị đều thuận tình ly hôn nhưng do anh chị không thống nhất được việc giao con cho ai nuôi dưỡng và anh H phải đi chấp hành án nên chị B đã rút đơn xin ly hôn. Mặt khác, quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị B biết việc Toà án báo gọi chị đến Toà án để giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh H nhưng chị B cố tình vắng mặt và giấu địa chỉ cư trú phần nào thể hiện chị B không có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh H và chị B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, vì vậy đề nghị xin ly hôn của anh H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

Về con chung: Xét đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của anh H là có căn cứ và phù hợp vì hiện nay cháu Nguyễn Thị H H, sinh ngày 13/03/2018 và Nguyễn Thị Nhã P, sinh ngày 15/02/2020 ở cùng anh H do anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị B không quan tâm cũng như không cấp dưỡng cho anh H nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án chị B đều vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho các con, giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Anh H

không đề nghị chị B cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh H không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị B vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của chị B. Khi nào chị B có yêu cầu về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức thì giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử: Anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Hoàng Thị B.

2/ Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Thị H H, sinh ngày 13/03/2018 và Nguyễn Thị Nhã P, sinh ngày 15/02/2020. Hiện nay hai con đang ở cùng anh H. Chị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Sau khi ly hôn chị B có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000058 ngày 12/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT. Anh H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- Các đương sự;
- UBND xã CH;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Huyền